

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 506/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021, về việc: “Tranh chấp ly hôn”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Đỗ Ngọc M, sinh năm 1977; Trú tại địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn*: Bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1983; Nơi thường trú: Thôn L, xã X, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; ; Chỗ ở: Thôn Đ, xã T, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Đỗ Ngọc M và bà Phạm Thị Nh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Ông Đỗ Ngọc M và bà Phạm Thị Nh có 03 con chung là: Đỗ Ngọc Phúc Th, sinh ngày 13/08/2005; Đỗ Hương Th1, sinh ngày 09/08/2010 và Đỗ Bảo N, sinh ngày 17/10/2013.

Ly hôn, ông M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu Th và N, bà Nhâm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Th1; Hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau về cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung thành niên hoặc có quyết định khác của Toà án.

Ông Đỗ Ngọc M và bà Phạm Thị Nh có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

2.2. Về tài sản chung: Ông M và bà Nh cùng thống nhất tự thỏa thuận giải quyết với nhau về tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về chỗ ở : Bà Nh tự lo chỗ ở khi ly hôn , không yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ở lại nhà đất của gia đình ông M.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng), ông Đỗ Ngọc M và bà Phạm Thị Nh mỗi người phải chịu $\frac{1}{2} = 75.000\text{đ}$ (Bảy mươi lăm ngàn đồng), ông M tự nguyện chịu cả. Ông M đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0045705 ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh , nay chuyển 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) thành tiền án phí và nộp vào ngân sá ch Nhà nước; Ông M được trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh trả.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- UBND. xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Lân